TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2024/QĐST - HNGĐ	*T, ngày 26 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1990

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh T

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/01/2024.

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Tận tình ly hôn giữa: Anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị T tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Anh Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị T có 01 con chung là cháu Đỗ Văn Tùng, sinh ngày 06/8/2018.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Anh Đỗ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Văn T , sinh ngày 06/8/2018. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Hai bên thống nhất thỏa Tận: Anh Đỗ Văn L có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T tổng số tiền là 84.000.000đ *(tám mươi tư triệu đồng)*. Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1961, địa chỉ: Khu phố V, thị trấn T, huyện T, tỉnh T (mẹ đẻ chị T) số tiền là 62.000.000đ *(sáu mươi hai triệu đồng).*

4. Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Đỗ Văn L chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T số: AA/2021/0016337 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Đỗ Văn L được nhận lại số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Chị Nguyễn Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.100.000đ *(hai triệu một trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền 11.620.000đ *(mười một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai T số: AA/2021/0016438 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 9.520.000đ *(chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).*

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp các bên có thoả Tận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P.kiểm tra nghiệp vụ và THA TAND tỉnh T;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng